

Đồng Nai, ngày 30 tháng 11 năm 2020

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngày 30 tháng 11 năm 2020, Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên tiến hành họp tại văn phòng Công ty tại xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, Đồng Nai.

Hội đồng quản trị đã thống nhất thông qua nghị quyết về những vấn đề sau:

Điều 1 . Thống nhất với Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 9 tháng năm 2020, dự ước kết quả quý 4/2020 và cả năm 2020:

1. Kết quả SXKD 9 tháng đầu năm 2020:

- Sản lượng heo thịt : 1.170 tấn, đạt 101,74% kế hoạch 2020 (1.150 tấn)
- Sản lượng heo giống : 143 tấn, đạt 81,71% kế hoạch 2020 (175 tấn)
- Tổng doanh thu : 146.202 triệu đồng, đạt 127,13% kế hoạch 2020 (115.000 triệu đồng)
- Lợi nhuận trước thuế : 75.084 triệu đồng, đạt 250,28% kế hoạch 2020 (30.000 triệu đồng)
- Lợi nhuận sau thuế : 69.343 triệu đồng, đạt 241,15% kế hoạch 2020 (28.755 triệu đồng)
- Lợi nhuận sau thuế lũy kế đến 30/9/2020 : 47.468 triệu đồng
- Nộp ngân sách nhà nước : 2.730 triệu đồng, đạt 567% kế hoạch 2020 (519 triệu đồng)

Đánh giá: Trong 09 tháng đầu năm 2020, về chăn nuôi đảm bảo an toàn dịch bệnh cho đàn heo; tình hình tiêu thụ heo thịt và heo con làm giống thuận lợi, giá cả đạt mức cao, nên SXKD đạt kết quả tốt.

2. Dự ước kết quả quý IV/2020:

- Sản lượng heo thịt : 19 tấn
- Sản lượng heo giống : 48 tấn
- Doanh thu : 16.000 triệu đồng;
- Lợi nhuận trước thuế : 7.900 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế : 6.770 triệu đồng
- Nộp ngân sách nhà nước : 2.500 triệu đồng

3. Dự ước kết quả SXKD năm 2020:

- Sản lượng heo thịt : 1.194 tấn, đạt 103,83% kế hoạch 2020 (1.150



- tấn)
- Sản lượng heo giống : 186 tấn, đạt 106,29% kế hoạch 2020 (175 tấn)
 - Tổng doanh thu : 161.500 triệu đồng, đạt 140,43% kế hoạch 2020 (115.000 triệu đồng)
 - Lợi nhuận trước thuế : 82.500 triệu đồng, đạt 275% kế hoạch 2020 (30.000 triệu đồng)
 - Lợi nhuận sau thuế : 76.113 triệu đồng, đạt 264,69% kế hoạch 2020 (28.755 triệu đồng)
 - Lợi nhuận sau thuế lũy kế đến 31/12/2020 : 54.238 triệu đồng
 - Nộp ngân sách nhà nước: 5.200 triệu đồng, đạt 1001,93% kế hoạch 2020 (519 triệu đồng)

4. Các giải pháp thực hiện trong quý 4/2020

- Tiếp tục thực hiện nghiêm việc chăn nuôi an toàn sinh học, tăng cường công tác quản lý để đảm bảo an toàn dịch bệnh cho đàn heo;

- Duy trì tốt đàn nái hiện có tại Trại heo Xuân Bắc hiện còn khoảng 1.600 con; tiến hành thủ tục xây dựng 01 nhà nuôi heo đực, 01 nhà nuôi heo nái hậu bị cách ly tại Trại heo Xuân Bắc nhằm mục tiêu bổ sung đàn heo nái theo như số lượng Giai đoạn I của Dự án là 2.400 heo nái.

Hiện nay đã hoàn tất thủ tục đấu thầu xây dựng theo quy định, đã thương thảo xong để ký hợp đồng xây dựng hai trại heo này, dự kiến hoàn thành sau 60 ngày kể từ ngày khởi công. Sau đó liên hệ với các công ty có con giống tốt để mua heo đực giống và heo nái hậu bị nuôi hết thời gian cách ly chuyển vào trại heo để bổ sung tăng số lượng đàn heo nái.

- Đã hợp đồng với công ty tư vấn để triển khai các thủ tục hợp thửa đất, thiết kế tường rào để giữ đất khu vực Trại heo tại xã Xuân Phú phục vụ cho Dự án mở rộng chăn nuôi heo trong dài hạn.

- Về kế hoạch tiêu thụ: dự kiến sẽ xuất bán khoảng 1.000 con heo thịt nuôi tại Trại heo Thiện Tân (Trại thuê), sau đó tiếp tục chuyển heo con giống từ Trại heo Xuân Bắc vào nuôi tại Trại heo Thiện Tân, số heo giống còn lại tại Trại heo Xuân Bắc sẽ xuất bán cho khách hàng.

- Thường xuyên nghiên cứu và nắm bắt giá cả trên thị trường để xác định giá mua thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y,... hợp lý, đảm bảo giá thành sản phẩm và xác định giá bán sản phẩm phù hợp thị trường, đạt hiệu quả cao.

- Tăng cường thực hiện tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh.



Điều 2. Về tạm ứng cổ tức năm 2020: Công ty đã thực hiện chi tạm ứng cổ tức năm 2020 cho cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 70/NQ-ĐH ngày 29/6/2020, cụ thể: mức tạm ứng cổ tức là 18%/vốn điều lệ, ngày chốt danh sách cổ đông (ngày đăng ký cuối cùng) là ngày 18/9/2020, ngày thanh toán là ngày 30/10/2020. Số tạm ứng cổ tức là: 118.125 triệu đồng x 18% = 21.262,5 triệu đồng (đã thanh toán đủ).

Điều 3. Về Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020:

Chọn Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC, quận 4, Tp. Hồ Chí Minh để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn.

Điều 4. Nghị quyết này đã được 100% thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua và có hiệu lực từ ngày ký. Các ông, bà: Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Kế toán trưởng và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Hồng



CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI PHÚ SƠN

Địa chỉ: 101 Ấp Phú Sơn - xã Bắc Sơn - Huyện Trảng Bom - Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 9 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	30/9/2020	01/01/2020
100	A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	120.924.243.013	47.897.439.972
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	84.439.758.146	24.353.546.482
111	1. Tiền	1.839.758.146	853.546.482
112	2. Các khoản tương đương tiền	82.600.000.000	23.500.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	25.180.000.000	0
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	25.180.000.000	0
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	350.964.410	621.701.794
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	157.276.435	157.276.435
132	2. Trả trước cho người bán	145.015.000	165.915.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	236.464.410	486.301.794
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-187.791.435	-187.791.435
140	IV. Hàng tồn kho	10.953.334.557	22.002.766.086
141	1. Hàng tồn kho	10.953.334.557	22.002.766.086
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	0	0
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	185.900	919.425.610
153	2. Thuế và khoản phải thu Nhà nước	185.900	919.425.610
200	B - TÀI SẢN DÀI HẠN	73.828.561.987	73.449.187.063
220	II. Tài sản cố định	53.985.559.214	58.016.002.847
221	1. Tài sản cố định hữu hình	45.032.462.318	48.941.754.131
222	Nguyên giá	115.136.203.290	114.904.543.290
223	Giá trị hao mòn lũy kế	-70.103.740.972	-65.962.789.159
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		
227	3. Tài sản cố định vô hình	8.953.096.896	9.074.248.716
228	Nguyên giá	10.725.800.713	10.725.800.713
229	Giá trị hao mòn lũy kế	-1.772.703.817	-1.651.551.997
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	418.840.717	311.129.299
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	418.840.717	311.129.299
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	0	0
260	VI. Tài sản dài hạn khác	19.424.162.056	15.122.054.917
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	19.424.162.056	15.122.054.917
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	194.752.805.000	121.346.627.035

Mã số	NGUỒN VỐN	30/9/2020	01/01/2020
300	C - NỢ PHẢI TRẢ	10.173.775.619	5.311.818.292
310	I. Nợ ngắn hạn	10.173.775.619	5.311.818.292
312	1. Phải trả người bán ngắn hạn	559.735.309	2.315.819.391
313	2. Người mua trả tiền trước	700.000.000	50.020.000
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.759.213.734	224.348.273
315	4. Phải trả người lao động	4.751.270.840	0
316	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	0	0
320	5. Phải trả ngắn hạn khác	24.500.500	34.905.992
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.379.055.236	2.686.724.636
400	D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	184.579.029.381	116.034.808.743
410	I. Vốn chủ sở hữu	184.579.029.381	116.034.808.743
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	118.125.000.000	118.125.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	118.125.000.000	118.125.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu	6.750.000.000	6.750.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	12.235.497.029	12.235.497.029
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	47.468.532.352	-21.075.688.286
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	-21.075.688.286	-21.075.688.286
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này	68.544.220.638	
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	194.752.805.000	121.346.627.035

Người lập



Lê Thị Anh



Ngày 20 tháng 10 năm 2020
Người Đại diện Pháp luật

Đinh Văn Hồng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI PHÚ SƠN

Địa chỉ: 101 Ấp Phú Sơn - xã Bắc Sơn - Huyện Trảng Bom - Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 9 năm 2020

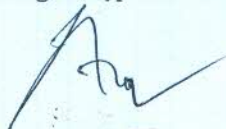
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
9 tháng Năm 2020**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	143.526.328.500	82.279.175.500
- Heo giống nuôi thịt		49.092.100.000	22.495.432.500
- Heo hậu bị			16.557.424.000
- Heo thịt		90.540.837.500	32.928.572.500
- Heo nái, đực, HB lớn bán loại		2.869.521.000	8.340.977.500
- Heo thịt loại		152.475.000	1.437.439.000
- Tinh heo			519.330.000
- Cá sấu		871.395.000	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	143.526.328.500	82.279.175.500
4. Giá vốn hàng bán	11	63.124.515.263	102.647.050.907
- Đàn heo giống		16.594.876.191	16.439.906.894
- Heo hậu bị			15.977.465.691
- Đàn heo thịt		44.198.690.315	31.792.860.412
- Đàn heo nái, đực bán loại		1.049.049.157	6.722.945.259
- Bán thịt loại giảm phí		152.475.000	1.437.439.000
- Tinh heo giảm phí			519.330.000
- Cá sấu		1.129.424.600	
- Heo tiêu hủy do dịch tả CP			29.757.103.650
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	80.401.813.237	- 20.367.875.407
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.974.163.113	3.379.983.817
- Lãi tiền gửi		1.938.021.113	1.941.770.925
- Chiết khấu thanh toán mua hàng		36.142.000	83.712.892
- Công ty CP Agropark chia cổ tức lần cuối			1.354.500.000
7. Chi phí tài chính	22	-	-
8. Chi phí bán hàng	24	13.454.000	31.998.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.947.924.916	3.782.876.821
1, KH		261.578.493	261.578.494
2, CCDC		19.991.025	-
3, Tiền lương		4.583.073.225	2.121.915.274
4, Khác		1.083.282.173	1.399.383.052

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	76.414.597.434	- 20.802.766.411
11. Thu nhập khác	31	701.243.208	246.397.997
- Thu tiền sử dụng khí Biogas			36.545.454
- Thu thuê cửa hàng An Chu		146.818.179	155.454.543
- Thu bán heo nái, đực ngoại thanh lý			14.398.000
- Bấp sậy thanh lý, tấm, cám hỏng		370.686.000	
- Thu hợp tác sản xuất cây mía		-	40.000.000
- Xử lý hàng tồn kho		183.175.092	
- Thu khác		563.937	
12. Chi phí khác	32	2.031.419.682	744.178.403
- GTCL thanh lý nhượng bán TSCĐ		-	64.746.659
- Thù lao HĐQT, BKS không tham gia sản xuất		116.400.000	62.400.000
- Khấu hao TSCĐ không tham gia sản xuất		993.210.323	617.031.744
- NL bán thanh lý		921.809.359	
13. Lợi nhuận khác	40	- 1.330.176.474	- 497.780.406
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	75.084.420.959	- 21.300.546.817
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.740.937.424	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	69.343.483.535	- 21.300.546.817

Người lập



Lê Thị Anh

Ngày 20 tháng 10 năm 2020
 Người Đại diện Pháp luật
 CHĂN NUÔI
 PHÚ SƠN
 H. TRẢNG BÒM - T. ĐỒNG NAI



Đinh Văn Hồng